

Số: 500 /QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 22 tháng 02 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Danh mục Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chi tiết các nội dung được giao trong các luật được Quốc hội khóa XIV thông qua tại Kỳ họp thứ 10

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Thực hiện Công văn số 4628/BTP-VĐCXDPL ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tư pháp về việc thông báo các nội dung giao chính quyền địa phương quy định chi tiết các luật được Quốc hội khóa XIV thông qua tại Kỳ họp thứ 10;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 197/TTr-STP ngày 05 tháng 02 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Danh mục Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chi tiết các nội dung được giao trong các luật được Quốc hội khóa XIV thông qua tại Kỳ họp thứ 10 (có Danh mục kèm theo).

Điều 2. Căn cứ Quyết định này, sở, ngành được phân công chủ trì soạn thảo văn bản có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiên cứu, xây dựng dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chi tiết các nội dung được giao trong các luật, đảm bảo chất lượng, tiến độ soạn thảo, thời hạn trình văn bản quy định chi tiết theo Quyết định này.



Trong quá trình thực hiện, nếu cần điều chỉnh, bổ sung Quyết định này, các cơ quan, đơn vị có văn bản đề nghị nêu rõ cơ sở pháp lý, thời gian thực hiện và gửi về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Sở Tư pháp có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện Quyết định này và thực hiện góp ý, tham mưu dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận: *24*

- Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp;
- Cục Công tác phía Nam (BTP);
- TT Tỉnh ủy, TT.HĐND, ĐĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Ban Quản lý các KCN BD;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, TH, KT;
- TT Công báo, Website tỉnh;
- Lưu: VT, Lh. *24*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Lộc Hà

**DANH MỤC QUYẾT ĐỊNH QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUY ĐỊNH
CHI TIẾT CÁC NỘI DUNG ĐƯỢC GIAO TRONG CÁC LUẬT ĐƯỢC QUỐC HỘI
KHÓA XIV THÔNG QUA TẠI KỲ HỌP THỨ 10**

(Kèm theo Quyết định số: 500 /QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)



STT	Cơ quan soạn thảo	Tên trích yếu nội dung văn bản	Sự cần thiết ban hành văn bản; điều khoản của luật giao quy định chi tiết; điều khoản của luật giao trách nhiệm ban hành biện pháp, chính sách thi hành luật	Đối tượng, phạm vi điều chỉnh	Cơ quan phối hợp	Dự kiến thời gian tham mưu ban hành	Ghi chú
1	Sở Tài nguyên và Môi trường	Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương	Quy định chi tiết 17 nội dung; hệ thống các văn bản hướng dẫn thi hành luật, đáp ứng các điều kiện thực tế của tỉnh. Đề hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020	<ol style="list-style-type: none"> 1. Ban hành quy định khuyến khích, tổ chức thực hiện xã hội hóa, đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành các công trình hạ tầng bảo vệ môi trường đối với các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung. (điểm c khoản 5 Điều 51) 2. Ban hành quy định khuyến khích, tổ chức thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường đối với cụm công nghiệp. (điểm b khoản 6 Điều 52) 3. Ban hành, hướng dẫn áp dụng cơ chế chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động xử lý chất thải, xây dựng 	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Tư pháp - Sở Kế hoạch và Đầu tư - Ban Quản lý các Khu công nghiệp - Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố 	Tháng 12 năm 2021	Đối với trường hợp chất lượng môi trường không khí xung quanh không bảo đảm duy trì mục tiêu bảo vệ chất lượng môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải có trách nhiệm ban hành quy

			<p>cảnh quan, bảo vệ môi trường nông thôn. (điểm c khoản 2 Điều 58)</p> <p>4. Quy định về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế trên địa bàn và bảo đảm phù hợp với điều kiện của từng địa phương; chịu trách nhiệm thực hiện quản lý các chất ô nhiễm liên quan đến các vấn đề bệnh tật và sức khỏe con người trên địa bàn. (khoản 6 Điều 62)</p> <p>5. Chất thải từ hoạt động cải tạo, phá dỡ công trình xây dựng của hộ gia đình, cá nhân tại đô thị phải được thu gom và chuyên giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (khoản 6 Điều 54); Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng và quy hoạch địa điểm đổ chất thải từ hoạt động xây dựng; bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước. (khoản 8 Điều 64)</p> <p>6. Quy định khu vực, địa điểm đổ chất thải, nhận chìm đối với chất thải nạo vét từ các hệ thống giao thông đường thủy nội địa và đường biển; có giải pháp phân luồng giao thông, kiểm soát ô nhiễm môi trường nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường không khí đối với đô thị đặc biệt, đô thị loại một (khoản 6 Điều</p>		<p>chuẩn kỹ thuật môi trường chất thải của địa phương trong thời hạn tối đa 02 năm kể từ ngày ban hành quy chuẩn kỹ thuật môi trường quốc gia. (khoản 5 Điều 102)</p> <p><i>(Tham mưu ban hành sau khi Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật môi trường quốc gia)</i></p>
--	--	--	--	--	---

				<p>65)</p> <p>7. Ban hành quy định về quản lý chất thải và thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. (khoản 7 Điều 72)</p> <p>8. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc phân loại cụ thể chất thải rắn sinh hoạt quy định tại điểm c khoản 1 Điều này trên địa bàn theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường; có chính sách khuyến khích việc phân loại riêng chất thải nguy hại trong chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân. (khoản 2 Điều 75)</p> <p>9. Việc phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công kênh được thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. (khoản 6 Điều 75)</p> <p>10. Việc vận chuyển chuyên chất thải rắn sinh hoạt phải thực hiện theo tuyến đường, thời gian theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. (khoản 4 Điều 77)</p> <p>11. Quy định chi tiết về quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn; quy định giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; quy định cụ thể hình thức và mức kinh phí hộ gia đình, cá nhân phải chi trả cho công tác thu</p>			
--	--	--	--	--	--	--	--



			<p>gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt dựa trên khối lượng hoặc thể tích chất thải đã được phân loại. (khoản 6 Điều 79)</p> <p>12. Phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý phải có thiết bị định vị đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, hoạt động theo tuyến đường và thời gian quy định cả Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. (điểm c khoản 5 Điều 81)</p> <p>13. Chất thải nguy hại khi vận chuyển phải được lưu chứa và vận chuyển bằng thiết bị, phương tiện chuyên dùng phù hợp đến cơ sở xử lý. Phương tiện vận chuyển chất thải nguy hại phải lắp thiết bị định vị; hoạt động theo tuyến đường và thời gian quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. (khoản 3 Điều 83)</p> <p>14. Ban hành lộ trình bố trí quỹ đất, đầu tư hoặc khuyến khích đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải đối với đô thị, khu dân cư tập trung trong trường hợp chưa có hệ thống thu gom, xử lý nước thải. (điểm b khoản 5 Điều 86)</p> <p>15. Ban hành lộ trình và chính sách hỗ trợ để tổ chức, hộ gia đình trong đô thị, khu dân cư tập trung xây dựng công trình, lắp đặt thiết bị xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường trước khi thải vào nguồn tiếp nhận trong</p>			
--	--	--	--	--	--	--

			<p>trường hợp không bố trí được quỹ đất xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải. (điểm c khoản 5 Điều 86)</p> <p>16. Ban hành lộ trình thực hiện và chính sách hỗ trợ thu gom, xử lý tại chỗ nước thải sinh hoạt phát sinh từ tổ chức, hộ gia đình tại các khu dân cư không tập trung. (Điểm d khoản 5 Điều 86)</p> <p>17. Trường hợp chất lượng môi trường không khí xung quanh không bảo đảm duy trì mục tiêu bảo vệ chất lượng môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải có trách nhiệm ban hành quy chuẩn kỹ thuật môi trường chất thải của địa phương trong thời hạn tối đa 02 năm kể từ ngày ban hành quy chuẩn kỹ thuật môi trường quốc gia. (khoản 5 Điều 102)</p>		
--	--	--	---	--	--

